

Số: 226/QĐ-TTYT

Bắc Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
quý I năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẮC SƠN

- Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 1998 của UBND Tỉnh Lạng Sơn về việc thành lập Trung tâm y tế huyện, thị trực thuộc Sở Y Tế;
- Căn cứ Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn;
- Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
- Xét đề nghị của phòng tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn (có biểu đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

Điều 3. Toàn thể công chức, viên chức và người lao động Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- PGD số 19-KBNNKV VI;
- TTYT huyện;
- Lưu VT-TCKT-KHNV.



GIÁM ĐỐC

Đặng Minh Kim

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn
Chương: 799

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Sơn, ngày 14 tháng 4 Năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 226/QĐ-TTĐT ngày 14/4/2025 của Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	42.104,91	7.135,02	16,95%	-11,76%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.1					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	42.104,91	7.135,02	16,95%	-11,76%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30.796,56	7.089,01	23,02%	-1,67%
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.308,35	46,01	0,41%	-42,16%
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				

